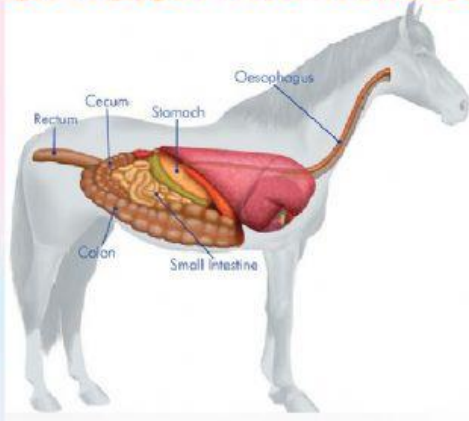


Luyện từ và câu: Trung thực – Tự trọng

a) **Thẳng như ruột ngựa.**
Có lòng dạ ngay thẳng
(ruột ngựa rất thẳng).



b) **Giấy rách phải giữ lấy lề.**
Dù nghèo đói, khó khăn
vẫn phải giữ nền nếp.



c) Thuốc đắng dã tật.

Thuốc đắng mới chữa

khỏi bệnh cho người.

**Lời góp ý khó nghe nhưng
giúp ta sửa chữa khuyết điểm.**



d) Cây ngay không sợ chết đứng.

Người ngay thẳng

không sợ bị nói xấu.



LIVEWORKSHEETS

e) Đói cho sạch, rách cho thơm.



**Dù đói khổ vẫn phải
sống trong sạch,
lương thiện.**



Bài tập 1. Có thể dùng những thành ngữ, tục ngữ nào dưới đây để nói về **tính trung thực** hoặc **lòng tự trọng**?

a) Thẳng như ruột ngựa. []

b) Giấy rách phải giữ lấy lề. []

c) Thuốc đắng dã tật. []

d) Cây ngay không sợ chết đứng. []

e) Đói cho sạch, rách cho thơm. []

[tính trung thực |

| lòng tự trọng |

[tính trung thực |

| lòng tự trọng |

[tính trung thực |

1. Chọn từ thích hợp cho trong ngoặc đơn để điền vào chỗ chấm trong đoạn văn sau:

Ai cũng khen bạn Minh, lớp trưởng lớp em, là con ngoan trò giỏi. Minh phụ giúp bố mẹ nhiều việc nhà, nhưng luôn luôn đi học đúng giờ, làm bài đầy đủ, chưa bao giờ để ai phiền trách điều gì. Cô chủ nhiệm lớp em thường bảo: “Minh là một học sinh có lòng Là học sinh giỏi nhất trường nhưng Minh không..... Minh giúp đỡ các bạn học kém rất nhiệt tình và có kết quả, khiến các bạn hay mặc cảm, nhất cũng dần dần thấy hơn vì học hành tiến bộ. Khi phê bình, nhắc nhở những bạn mắc khuyết điểm, Minh có cách góp ý rất chân tình, nên không làm bạn nào Lớp 4A chúng em rất về bạn Minh.

2. Nối từ ở cột B với nghĩa của từ đó ở cột A

A. Nghĩa

Một lòng một dạ gắn bó với lý tưởng, tổ chức hay với người nào đó.

Trước sau như một, không gì lay chuyển nổi

Một lòng một dạ vì việc nghĩa.

Ăn ở nhân hậu, thành thật, trước sau như một.

Ngay thẳng, thật thà.

B. Từ

trung thành

trung hậu

trung kiên

trung thực

trung nghĩa



Trung có nghĩa là
“ở giữa”



Trung có nghĩa là
“một lòng một dạ”

Xếp các từ ghép trong ngoặc đơn thành hai nhóm theo nghĩa của tiếng “trung” (trung bình , trung thành , trung nghĩa , trung thực , trung thu , trung hậu , trung kiên , trung tâm)